

**KỶ YẾU TỌA ĐÀM**  
**VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  
**HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT ĐẦU TƯ**



Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2006

**Ông Nguyễn Đình Tài, Giám đốc Trung tâm Tư vấn và Đào tạo cán bộ, Viện Quản lý kinh tế Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam**

*Kính thưa các quý vị,*

Là thành viên của Ban Soạn thảo Luật Đầu tư và đặc biệt, được giao nhiệm vụ cùng với ông Thắng, Viện Chiến lược phát triển kinh tế, soạn thảo văn bản hướng dẫn thi hành Chương III Luật Đầu tư, chúng tôi xin có một số ý kiến trước khi các chuyên gia nhận xét về Dự thảo Nghị định. Trong hai ngày qua, tức thứ bảy và chủ nhật vừa qua, Ban Soạn thảo Nghị định Luật Đầu tư đã họp dưới sự chỉ đạo của Thứ trưởng. Vì vậy, tôi muốn cập nhật thêm một số thông tin để các quý vị đóng góp ý kiến được tập trung hơn.

Thứ nhất, như các quý vị đã biết, về Chương III Luật Đầu tư này, chúng tôi phải hướng dẫn từ Điều 27 đến Điều 44. Chương này bao gồm 3 mục:

*Mục I:* Lĩnh vực và địa bàn đầu tư;

*Mục II:* Ưu đãi đầu tư;

*Mục III:* Hỗ trợ đầu tư.

Phần hướng dẫn này phải làm rõ **4 vấn đề**:

- Phân loại dự án: dự án thuộc diện khuyến khích và ưu đãi đầu tư; dự án đầu tư có điều kiện; cấm đầu tư;
- Xác định danh mục của 3 nhóm dự án trên sao cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam hiện nay và với tinh thần hội nhập kinh tế quốc tế;
- Nêu các biện pháp ưu đãi đầu tư;

- Cụ thể hóa vấn đề hỗ trợ đầu tư.

Trong số 4 vấn đề nêu trên, PGS. TS Bùi Tất Thắng, Trưởng Ban Tổng hợp, Viện Chiến lược phát triển kinh tế, sẽ trình bày rõ hơn với các quý vị về 2 vấn đề đầu tiên. Còn bản thân tôi sẽ xin quý vị một vài phút để trình bày về vấn đề thứ ba và thứ tư. Chúng tôi sẽ chỉ nêu ngắn gọn về các nguyên tắc và ý tưởng xây dựng các biện pháp này, để dành thời gian cho các chuyên gia bình luận.

Như chúng ta đều biết, các biện pháp hỗ trợ và ưu đãi đầu tư được xây dựng từ Luật Đầu tư nước ngoài năm 1987. Tiếp đó, qua các lần sửa đổi, bổ sung vào năm 1990, 1992, 1996 và 2000, các biện pháp này được điều chỉnh ít nhiều. Đối với các nhà đầu tư trong nước, các biện pháp ưu đãi và hỗ trợ đầu tư được quy định tại Luật Khuyến khích đầu tư trong nước năm 1994, sửa đổi năm 1998. Như vậy, các biện pháp ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đã tồn tại ở Việt nam gần 20 năm. Ở cả hai Luật Đầu tư, chúng ta đều có một chương về bảo đảm đầu tư. Cụ thể, Nhà nước Việt Nam cam kết thực hiện chính sách đầu tư nhất quán, đảm bảo cho các nhà đầu tư không bị thiệt thòi khi có thay đổi chính sách. Vì vậy, khi soạn thảo Nghị định này, một trong những nguyên tắc của chúng tôi là làm sao cố gắng kế thừa các biện pháp ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đã có từ trước đến nay để các nhà đầu tư không bị thiệt thòi, đặc biệt là các nhà đầu tư đến sau. Có như vậy mới không làm méo mó môi trường cạnh tranh.

Hiện nay, Việt Nam đang nỗ lực hội nhập kinh tế quốc tế, nói chung và gia nhập WTO, nói riêng. Vì vậy, chúng ta cần có những điều chỉnh để phù hợp với tình hình mới. Những điều chỉnh đó đi theo hướng nào? Chúng ta có thể thấy ngay trong Luật Đầu tư lần này, đã có một số điều chỉnh quan trọng liên quan đến *ưu đãi đầu tư*.

*Thứ nhất*, chúng ta không ưu đãi tràn lan cho nhiều ngành, nghề như hai Luật Đầu tư trước đây mà thu hẹp lại một cách đáng kể. Riêng dự án đầu tư vào những vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn, nhìn chung, các ưu đãi không có gì thay đổi. Vì điều này cũng phù hợp với tinh thần của các tổ chức quốc tế.

*Thứ hai*, một số biện pháp ưu đãi đầu tư có thể vi phạm vào hộp đỏ hoặc hộp vàng của WTO (ví dụ như ưu đãi cho xuất khẩu, trợ cấp cho xuất khẩu, thưởng cho xuất khẩu hoặc miễn, giảm thuế cho hoạt động xuất khẩu...) đã bị bãi bỏ trong Luật Đầu tư lần này.

Đây là một điểm mới. Các tín dụng ưu đãi cũng không được nêu trong Luật Đầu tư lần này; trong khi đó, ở hai Luật Đầu tư hiện hành và đặc biệt là Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, chúng ta cấp tín dụng ưu đãi với lãi suất thấp cho nhiều dự án,

trong đó có cả dự án xuất khẩu. Các biện pháp khác có thể chấp nhận được thì vẫn được tiếp tục duy trì, ví dụ ưu đãi thuế nhập khẩu.

*Nguyên tắc ưu đãi thuế* lần này là tôn trọng tuyệt đối khung thuế của các Luật thuế mới được ban hành như Luật thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi), Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Chúng tôi sẽ không đưa ra biện pháp nào vượt các suất thuế quy định trong các Luật thuế hiện hành.

Dự thảo sẽ chỉ dừng lại ở việc quy định cụ thể loại dự án nào thì được hưởng cấp độ ưu đãi nào.

Đáng tiếc là Dự thảo mà quý vị đang cầm trong tay lại quy định tương đối chung chứ không quy định kỹ theo từng loại dự án. Nhưng qua hai cuộc họp ngày thứ 7 và Chủ nhật vừa qua, Ban Soạn thảo đã quyết định sẽ quy định cụ thể cho từng nhóm dự án.

*Các biện pháp hỗ trợ đầu tư* cũng là một nội dung chúng ta cần thảo luận thêm. Chúng tôi cũng cố gắng thiết kế thêm những biện pháp cụ thể cho phần hỗ trợ đầu tư như trong Luật. Luật có nêu hỗ trợ về chuyển giao công nghệ, hỗ trợ về đào tạo, hỗ trợ về phát triển các dịch vụ đầu tư, kinh doanh... Đây là những mong muốn thiết thực của doanh nghiệp. Nhưng chúng tôi lại bị bế tắc trong việc quy định những biện pháp cụ thể. Hôm qua, chúng tôi đã thảo luận rất sâu về vấn đề này nhưng chưa đi đến được nhiều sáng kiến mới. Chúng tôi mong rằng các quý vị đại biểu có mặt tại đây và các chuyên gia, là những người có nhiều kinh nghiệm, có thể đóng góp ý kiến cho bản Dự thảo Nghị định này và đề xuất cho chúng tôi những biện pháp liên quan đến hỗ trợ đầu tư. Lưu ý rằng ngân sách của Chính phủ Việt Nam rất hạn hẹp nên cách hỗ trợ về đào tạo hay chuyển giao công nghệ như một số nước, không phải là dễ dàng.

Các quy định về ưu đãi trong Dự thảo Nghị định này thường quy chiếu đến các Luật khác, ví dụ: thuế nhập khẩu quy chiếu theo Luật thuế xuất nhập khẩu; thuế thu nhập doanh nghiệp quy chiếu theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp; quy định về biện pháp chuyển lỗ và khấu hao nhanh tài sản cố định trong Luật và trong Dự thảo Nghị định không khác nhau nhiều. Mong rằng các quý vị sẽ đưa ra sáng kiến để chúng tôi cụ thể hóa hơn Nghị định này so với Luật để khi ban hành, Nghị định có thể dễ dàng đi vào cuộc sống.

### **Ông Nguyễn Tất Thắng, Viện Chiến lược phát triển kinh tế**

Ông Nguyễn Đình Tài đã trình bày tương đối đầy đủ về tất cả khía cạnh liên quan đến công tác soạn thảo Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư. Do vậy, tôi chỉ xin trình bày rất ngắn gọn về *các nguyên tắc soạn thảo* Nghị định này.

Thứ nhất, như chúng ta đã biết, trước khi Luật Đầu tư chung ra đời, các biện pháp hỗ trợ và khuyến khích đầu tư đã được thể hiện ở nhiều Luật và Nghị định khác nhau, trong đó đặc biệt phải kể đến Nghị định 164 về ưu đãi về thuế và Nghị định về ưu đãi về đất đai. Suy cho cùng, bản chất của ưu đãi là ưu đãi về thuế. Chúng tôi biết rằng do đây là Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư nên quy định của Nghị định phải cụ thể đến mức tối đa. Mục tiêu là không cần có Thông tư đi kèm.

Thứ hai, hiện nay, chúng ta đang tiến bước rất nhanh trên con đường hội nhập, nên một mặt, chúng ta phải tuân theo "luật chơi" chung của quốc tế, mặt khác, chúng ta phải đảm bảo các quy định pháp luật ban hành phải phù hợp với thực tiễn của Việt Nam. Có thể coi đây là một mâu thuẫn mà chúng ta phải giải quyết. Về vấn đề này, có hai quan điểm: Một số người cho rằng phải cố gắng bắt kịp với "luật chơi" chung của thế giới. Nhưng một số người khác lại cho rằng nếu quá đề cao tiêu chuẩn quốc tế thì chưa chắc đảm bảo được hiệu quả thi hành luật trên thực tế của Việt Nam. Vì vậy, khi soạn thảo Nghị định, chúng tôi có nhiệm vụ cân nhắc rất kỹ xem nên quy định những điều khoản cụ thể nào để vừa không trái với pháp luật quốc tế, vừa đảm bảo tính khả thi trong điều kiện của Việt Nam.

Thứ ba, như ông Nguyễn Đình Tài đã nói, chúng tôi cố gắng kế thừa tối đa các quy định của các Luật trước đây. Sở dĩ chúng tôi đặt ra nguyên tắc này là vì trong quá trình soạn thảo, có rất nhiều điểm đã được quy định trong các Nghị định ban hành kèm theo các Luật khác. Do vậy, vấn đề đặt ra, đó là có đưa các quy định này vào hay không? Đưa vào tới mức nào? Bởi vì, giữa các Nghị định, dù đều là do cấp Chính phủ ban hành, nhưng vẫn có độ chênh nhất định.

Về quá trình chuẩn bị soạn thảo Nghị định này, chúng tôi đã qua rất nhiều bước. Đến nay, chúng tôi đã có một bản Dự thảo sơ bộ. Bản Dự thảo mà quý vị có trong tay là kết quả của rất nhiều lần sửa đổi, bổ sung. Rất nhiều trường hợp sau khi làm lại thì Dự thảo lại quay trở lại bản ban đầu. Trong Dự thảo Nghị định hướng dẫn thi hành Luật lần này, chúng tôi có xác định ***một số vấn đề lớn cần được nghiên cứu thêm:***

*Thứ nhất*, các điều kiện để được hưởng ưu đãi.

*Thứ hai*, nên ưu đãi cái gì?

Về lý thuyết, tôi nghĩ chúng ta có thể dễ dàng thống nhất với nhau rằng ưu đãi đối với một dự án xuất phát từ khả năng tài chính quốc gia. Ngoài ra, theo nguyên tắc kinh tế học thị trường, những gì mà tư nhân không làm thì Nhà nước phải đứng ra. Nhà nước không đứng ra được thì phải khuyến khích tư nhân. Tuy nhiên, trên thực tế, xác định lĩnh vực nào tư nhân không có khả năng làm hoặc không muốn làm lại

không đơn giản. Điểm này rất dễ va chạm với luật pháp của các nước có nền kinh tế thị trường phát triển.

*Thứ ba*, đâu là địa bàn cần ưu đãi và khuyến khích đầu tư? Trước đây, Nghị định 164 về Luật thuế doanh nghiệp cũng đã xác định danh mục các địa bàn này và đã xác định đến cấp huyện. Hiện nay, có ý kiến cho rằng chỉ cần xác định theo vùng. Như vậy, cho đến nay, chúng tôi vẫn chưa đi đến thống nhất. Đề nghị quý vị cho biết thêm ý kiến.

Liên quan đến tất cả các điều trên, điều quan trọng nhất là về mặt phương pháp, cần xây dựng được bộ tiêu chí để xác định địa bàn, lĩnh vực khuyến khích đầu tư.

Hiện nay có một số vấn đề rất khó thống nhất, kể cả việc thực thi Luật Doanh nghiệp thống nhất, vấn đề thay thế cơ chế tiền kiểm bằng hậu kiểm...

Liên quan đến Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư, chúng tôi cũng chưa thống nhất được tiêu chí để xác định thế nào là một lĩnh vực công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, vật liệu mới... cần khuyến khích đầu tư? "Mới" ở đây là mới ở Việt Nam hay là "mới" so với khu vực hoặc "mới" trên thế giới?

Tiếp đến, về lĩnh vực ảnh hưởng đến thuần phong, mỹ tục và ngành, nghề nhạy cảm, sách báo đã nói rất nhiều. Nhưng định nghĩa cụ thể ra sao thì giữa khoa học kinh tế và cách hiểu thông dụng ở Việt Nam lại chưa thống nhất, đặc biệt là ở các địa phương, cấp trực tiếp quản lý đời sống kinh tế-xã hội. Thông thường, các văn bản của chúng ta và cả ở địa phương, người ta thường hiểu các ngành, nghề nhạy cảm về lĩnh vực văn hóa bao gồm karaoke, vũ trường, nhà hàng... Nhưng nhìn từ góc độ kinh tế học, các ngành, nghề nhạy cảm là các ngành, nghề mà khi tác động vào đó thì sẽ có những ảnh hưởng dây chuyền đến đời sống kinh tế, ví dụ: xăng, dầu, phân đạm, vàng, ngoại tệ, điện, bất động sản...

Về địa bàn khó khăn và đặc biệt khó khăn, hiện nay chúng tôi dựa vào tiêu chí của Ủy ban Dân tộc và miền núi. Nhưng giữa tiêu chí để xác định vùng cần xóa đói, giảm nghèo với tiêu chí để xác định địa bàn cần khuyến khích đầu tư, liệu có trùng khớp 100% không hay có những khác biệt nhất định? Có thể, với khuyến khích đầu tư, chúng ta chọn trong số những địa bàn khó khăn những địa bàn có khả năng là lôi kéo sự phát triển của cả vùng khi được khuyến khích đầu tư và mang lại hiệu quả tài chính cao. Còn trợ giúp xóa đói, giảm nghèo chỉ chủ yếu mang ý nghĩa xã hội, hơn là hiệu quả tài chính.

Danh mục một số nội dung cụ thể đã được nêu tại tài liệu mà quý vị đang cầm trong tay, do vậy, tôi xin phép không trình bày lại.

**Ông Éric Le Dréau, Luật sư, Văn phòng Luật sư Vovan & Cộng sự, TP Hồ Chí Minh**

Trước hết, tôi đánh giá cao nỗ lực của Việt Nam trong việc ban hành Luật Doanh nghiệp (thống nhất) và Luật Đầu tư (chung). Tôi cũng đánh giá cao việc Ban Soạn thảo tích cực khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đóng góp ý kiến cho Dự thảo Nghị định này. Bây giờ, tôi xin nhận xét về Dự thảo.

*Thứ nhất*, tôi nghĩ chúng ta cần làm rõ hai khái niệm đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp. Theo tôi hiểu, đầu tư trực tiếp đòi hỏi phải có sự tham gia vào hoạt động quản lý đầu tư, trong khi đó, đầu tư gián tiếp không đưa ra điều kiện này.

*Thứ hai*, qua phần trình bày của hai chuyên gia Việt Nam, tôi được biết Dự thảo mới đã có một số thay đổi so với Dự thảo mà chúng ta đang cầm trong tay. Vậy, xin chuyên gia cho biết đâu là những *điểm sửa đổi, bổ sung của Dự thảo mới*?

*Thứ ba*, về phương hướng xây dựng Dự thảo Nghị định, liệu chúng ta nên quy định cụ thể hết mức có thể hay dẫn chiếu đến các pháp luật có liên quan, ví dụ như pháp luật về thuế, về xuất nhập khẩu...? Nếu lựa chọn giải pháp quy định chi tiết thì tôi nghĩ các quy định ở đây chưa đủ chi tiết. Nếu lựa chọn giải pháp dẫn chiếu thì cần lưu ý để văn bản được dẫn chiếu phải thống nhất với văn bản chính. Ví dụ: liên quan đến ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, tôi thấy các bạn dẫn chiếu đến Nghị định 164. Nhưng khi tìm hiểu Nghị định 164, tôi thấy một số quy định không thống nhất với tinh thần của Phụ lục Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư. Cá nhân tôi cho rằng việc dẫn chiếu quá nhiều sẽ làm người đọc mất mạch theo dõi và gây khó khăn cho việc hiểu văn bản.

*Thứ tư*, tôi nghĩ chúng ta không nên tách biệt Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp mà phải coi đây là một tổng thể các quy định pháp luật có liên quan chặt chẽ với nhau.

*Thứ năm*, chúng ta cần làm rõ những lĩnh vực nào được ưu đãi đầu tư và điều kiện đầu tư. Đây là nội dung mà các nhà đầu tư nước ngoài đặc biệt quan tâm. Ở đây, tôi chỉ thấy các bạn quy định duy nhất tại Điều 4 - Lĩnh vực đầu tư có điều kiện. Đáng rằng các bạn đã dẫn chiếu đến Phụ lục A2a và A2b, nhưng tôi nghĩ các bạn vẫn nên quy định trong phần chính của Nghị định đâu là những điều kiện cụ thể. Đối với nhà đầu tư nước ngoài, tôi hoàn toàn nhất trí với các bạn rằng nhà đầu tư nước ngoài phải chịu thêm một số điều kiện ràng buộc. Ở đây, tôi thấy các bạn có quy định "các lĩnh vực đầu tư có điều kiện còn bao gồm các *lĩnh vực đầu tư theo lộ trình thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên*". Liệu chúng ta có thể quy định cụ thể danh sách các lĩnh vực này được không? Bởi vì, nhìn từ góc độ nhà đầu tư, sẽ rất khó

để có thể biết đâu là các lĩnh vực đầu tư theo lộ trình thực hiện cam kết quốc tế của Việt Nam khi không có một danh sách cụ thể.

*Thứ sáu*, về lĩnh vực khuyến khích đầu tư, tôi thấy các quy định của Dự thảo Nghị định tương đối thống nhất với các quy định của các văn bản pháp luật khác. Tuy nhiên, về mặt thuật ngữ, tôi thấy các bạn có sử dụng hai cụm từ: "lĩnh vực khuyến khích đầu tư" và "lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư". Vậy, xin hỏi tiêu chí phân biệt hai lĩnh vực này là gì? Tôi được biết, hiện nay có khoảng 20 nước được coi là nước chậm phát triển nhất Các nước này được hưởng một số ngoại lệ nhất định, trong đó có việc được phép quy định các biện pháp khuyến khích xuất khẩu. Có thể kể ra một số nước trong nhóm này như Indônêsi-a, Ấn Độ, Pakistan... Đây là các đối thủ cạnh tranh của Việt Nam trong lĩnh vực đầu tư để xuất khẩu. Trong danh mục các lĩnh vực khuyến khích đầu tư của Việt Nam, tôi thấy các bạn có kể ra các lĩnh vực như dệt, may, da giày... , tức là những lĩnh vực nhận được nguồn vốn đầu tư nước ngoài tương đối lớn để xuất khẩu.

*Thứ bảy*, về thuế xuất nhập khẩu, pháp luật hiện hành cho phép miễn thuế nhập khẩu đối với các máy móc, thiết bị dùng làm tài sản cố định của doanh nghiệp, với điều kiện các máy móc, thiết bị đó chưa được sản xuất trong nước. Tuy nhiên, theo quy định tại Dự thảo này, nhà đầu tư sẽ chỉ được hưởng ưu đãi về thuế nhập khẩu khi đầu tư vào các lĩnh vực và địa bàn được hưởng ưu đãi đầu tư.

*Thứ tám*, về vấn đề chuyển lỗ và khấu hao nhanh tài sản cố định, tôi không có nhận xét gì đặc biệt, bởi vì đây là những quy định đã được áp dụng. Điểm khác biệt duy nhất, đó là trước kia, điều kiện khấu hao nhanh tài sản cố định là hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thì ngày nay, việc khấu hao nhanh tài sản cố định lại gắn với lĩnh vực và địa bàn đầu tư.

*Thứ chín*, về miễn, giảm tiền sử dụng đất, phần quy định dành cho nhà đầu tư nước ngoài sẽ khó được chấp nhận. Bởi vì, trong bối cảnh nhà đầu tư nước ngoài không ngừng gia tăng đầu tư, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, một trong những quan tâm hàng đầu của nhà đầu tư là giá thuê đất. Ở những thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, nơi có giá thuê bất động sản rất đắt đỏ, nhà đầu tư rất ngại đầu tư, vì họ phải bỏ ra quá nhiều tiền để trả tiền thuê đất và xây dựng (giá thuê 1m<sup>2</sup> đất trong khu công nghiệp ở thành phố Hồ Chí Minh là 100\$).

*Thứ mười*, về thủ tục đầu tư, ở đây, các bạn có quy định rằng Giấy chứng nhận đầu tư phải nêu rõ các ưu đãi mà nhà đầu tư được hưởng. Theo tôi hiểu thì nguyên tắc này

chỉ áp dụng đối với Giấy chứng nhận đầu tư được cấp sau khi tiến hành thủ tục thẩm tra đầu tư, và loại trừ trường hợp đăng ký đầu tư.

*Mười một*, liên quan đến ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, Dự thảo Nghị định quy định rằng cơ quan thuế thực hiện việc miễn giảm thuế cho nhà đầu tư sau khi quyết toán thuế. Theo tôi, quy định này mâu thuẫn với quy định theo đó ưu đãi đầu tư phải được ghi vào Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư. Tương tự, về miễn giảm tiền sử dụng đất, một mặt, Dự thảo Nghị định quy định Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc miễn, giảm tiền sử dụng đất cho nhà đầu tư kể từ khi hợp đồng giao đất được ký. Nhưng mặt khác, Dự thảo lại quy định mọi ưu đãi phải được ghi vào Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư.

### **Ông Nguyễn Đình Tài**

Về cơ bản, tôi hoàn toàn nhất trí với những nhận xét của Luật sư. Tôi chỉ xin phép làm rõ một số điểm sau:

*Thứ nhất*, chúng tôi không dùng khái niệm ưu đãi đầu tư và đặc biệt ưu đãi đầu tư mà chỉ có danh mục đặc biệt khuyến khích và khuyến khích, danh mục đặc biệt khó khăn và khó khăn. Trên cơ sở đối chiếu với các danh mục này, chúng ta sẽ biết cấp độ ưu đãi dành cho từng dự án.

*Thứ hai, về thuế nhập khẩu*, đúng như Luật sư vừa nhận xét, ưu đãi về thuế nhập khẩu chỉ dành cho dự án được khuyến khích đầu tư. Chúng tôi có xem xét Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thấy rằng Điều 16 Luật này quy định 8 khoản khác nhau về miễn thuế nhập khẩu. Ở đây, chúng tôi vận dụng khoản 6 Điều 16 về các dự án được khuyến khích đầu tư. Nhiệm vụ của Nghị định này là chỉ ra những dự án nào thuộc diện khuyến khích này. Những dự án khác sẽ được hưởng miễn giảm theo quy định của các khoản còn lại, ví dụ như nhập khẩu theo diện ODA, quà tặng Chính phủ... Tất nhiên, nếu so với Luật Đầu tư nước ngoài hiện hành, điều khoản này có phần chặt hơn. Nhưng chúng tôi cho rằng trong bối cảnh hội nhập của Việt Nam, không thể ưu đãi tràn lan.

*Thứ ba*, về các biện pháp liên quan đến đất đai, mới đây, Chính phủ có ban hành Nghị định 142 để hướng dẫn ưu đãi về tiền thuê đất và tiền sử dụng đất. Do nhà đầu tư nước ngoài chỉ được thuê đất chứ không được giao đất như nhà đầu tư trong nước, nên họ được hưởng ưu đãi về miễn giảm tiền thuê đất. Đây là một lợi thế rất lớn cho các nhà đầu tư nước ngoài. Bởi vì theo Luật hiện hành, chúng tôi chỉ miễn giảm cho nhà đầu tư trong nước. Nhưng lần này, chúng tôi có chính sách miễn giảm chung cho các nhà đầu tư. Cụ thể, nếu nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài cùng đáp



ứng một loại dự án, thuộc cùng một danh mục thì được hưởng ưu đãi như nhau. Còn việc giá thuê đất cao thì hoàn toàn phụ thuộc vào thị trường. Hiện nay, Chính phủ không quy định giá thuê đất cho từng khu công nghiệp hoặc từng khu vực mà chỉ quy định một khung giá chung. Các địa phương có quyền điều chỉnh trong khung giá cho phép, tùy theo cung-cầu của thị trường và chất lượng cơ sở hạ tầng.

*Thứ tư*, về thủ tục, theo Luật Đầu tư hiện hành, nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước phải tuân theo hai thủ tục nhận ưu đãi khác nhau. Cụ thể, theo Luật Đầu tư nước ngoài, mọi ưu đãi được ghi vào Giấy phép đầu tư; còn theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước thì nhà đầu tư được cấp riêng Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư. Trong Luật này, do chúng tôi áp dụng chung nên trong quá trình soạn thảo, đã có ý kiến đề nghị bỏ Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư. Nhưng, sau nhiều lần tranh luận, chúng tôi nhận thấy hai luồng ý kiến chủ đạo: *Một là*, các nhà đầu tư nước ngoài rất muốn được ghi các ưu đãi đầu tư mà mình được hưởng vào Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư để coi đó là cam kết của Nhà nước Việt Nam. *Hai là*, một số các nhà đầu tư trong nước không muốn có giấy tờ đó do ngần ngại trước các thủ tục nặng nề nhưng đa số còn lại lại muốn mọi ưu đãi phải được ghi lại tập trung vào một giấy tờ cụ thể, vì sợ nếu không có giấy tờ nào của Chính quyền cấp thì sẽ phải gõ nhiều cửa. Vì vậy, Luật này đã đi đến một giải pháp dung hòa, đó là đối với những dự án đầu tư trong nước dưới 15 tỷ, thuộc diện không phải đăng ký đầu tư thì không cần giấy tờ gì. Đối với những dự án đầu tư dưới 300 tỷ và phải đăng ký đầu tư thì có thể lựa chọn ghi hoặc không ghi. Chỉ những dự án phải thẩm tra đầu tư thì mới phải ghi vào Giấy chứng nhận đầu tư các ưu đãi được hưởng. Còn lại, mọi dự án đầu tư nước ngoài đều ghi các ưu đãi mà nhà đầu tư nước ngoài được hưởng. Trên tinh thần đó, Nghị định được soạn thảo theo hướng đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư. Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến từng loại ưu đãi về thuế, về đất, về tín dụng... sẽ phải tuân thủ Luật này và không được áp đặt các thủ tục phiền hà.

*Thứ năm*, về ưu đãi đối với xuất khẩu, chúng tôi chủ trương loại bỏ hầu như hoàn toàn mọi ưu đãi đối với xuất khẩu. Hiện nay, chúng tôi đang ở trong giai đoạn điều chỉnh danh mục ưu đãi đầu tư. Vì vậy, nếu có những lập luận phù hợp, không trái với yêu cầu hội nhập thì ông Thắng có thể điều chỉnh danh mục từ bây giờ cho đến khi Dự thảo được thông qua.

### **Đại biểu**

Tôi xin hỏi Ban Soạn thảo về *Điều 3 Luật Đầu tư*. Ở đây, tôi thấy chúng ta có 3 định nghĩa đầu tư: đầu tư chung, đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp.

Về đầu tư chung, định nghĩa chúng ta rất dài, trong khi định nghĩa của Ngân hàng Thế giới lại rất đơn giản: "đầu tư là sự biến đổi về vốn (dòng chảy)" mà vẫn đầy đủ ý nghĩa.

Về đầu tư trực tiếp, chúng ta quy định "đầu tư trực tiếp là hình thức đầu tư do nhà đầu tư bỏ vốn và tham gia hoạt động đầu tư". Theo tôi, nội dung quan trọng nhất trong định nghĩa về đầu tư trực tiếp đã được công nhận bởi Quỹ Tiền tệ quốc tế và Tổ chức phát triển kinh tế OECD, đó là lợi ích bền vững của nhà đầu tư. Thông thường, người ta cho rằng nếu nắm từ 10% tổng số vốn của một doanh nghiệp thì đã có thể thiết lập ảnh hưởng đối nội dung này, cho dù tỷ lệ 10% có thể chưa phù hợp với Việt Nam.

Về đầu tư gián tiếp, chúng ta định nghĩa đó là "hình thức đầu tư thông qua mua cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu... mà nhà đầu tư không trực tiếp tham gia quản lý hoạt động đầu tư". Hiện nay, Việt Nam đang gấp rút chuẩn bị để gia nhập WTO. Vì vậy, tôi cho rằng chúng ta nên tôn trọng những định nghĩa mang tính hàn lâm mà đã được cả thế giới công nhận.

Tôi xin được hỏi tiếp về Điều 29. Tôi thấy điểm h Điều 29 mâu thuẫn với khoản 6 Điều 27. Tôi không hiểu tại sao việc phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo một mặt được coi là lĩnh vực đầu tư có điều kiện (theo Điều 29) và mặt khác lại được coi là lĩnh vực ưu đãi đầu tư (theo Điều 27)?

Vẫn liên quan đến Điều 29, tôi thấy khoản 4 quy định "nhà đầu tư nước ngoài được áp dụng điều kiện đầu tư như nhà đầu tư trong nước, trong trường hợp nhà đầu tư Việt Nam sở hữu từ 51% vốn điều lệ của doanh nghiệp trở lên". Như vậy, ở đây, đã có sự phân biệt giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư Việt Nam. Liệu điều này có mâu thuẫn với quy định tại khoản 2 Điều 4 không?

Chuyển sang vấn đề ưu đãi đầu tư và hỗ trợ đầu tư, tôi nghĩ mục tiêu lớn nhất của Luật Đầu tư, đó là đảm bảo cho nhà đầu tư nước ngoài được tiếp cận một cách dễ dàng nhất các lợi thế so sánh của nước tiếp nhận đầu tư. Câu hỏi đặt ra là chúng ta có nên cấp ưu đãi cho các dự án sử dụng nhiều lao động không?

**Ông Lê Tuyên Cử, Phó Vụ trưởng Vụ Phát triển khu công nghiệp - khu chế xuất, Bộ Kế hoạch và đầu tư**

Trước hết, tôi phải nói ngay rằng chủ đề của cuộc Tọa đàm của chúng ta ngày hôm nay là về Dự thảo Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư chứ không phải là về Luật Đầu tư. Tuy nhiên, do đại biểu đã hỏi nên tôi cũng xin giải thích một số ý như sau:

Nếu chúng ta đọc kỹ thì chúng ta sẽ thấy rằng quy định tại Điều 3 Luật Đầu tư không phải là định nghĩa mà chỉ là giải thích từ ngữ. Còn về đề xuất nên xây dựng trong Luật những định nghĩa mang tính hàn lâm, theo tôi chúng ta không nên đặt ra vấn đề này vì Luật đã được Quốc hội thông qua. Nhiệm vụ của chúng ta bây giờ là thảo luận để triển khai Luật.

Trở lại với Nghị định, ngay từ khi soạn thảo, chúng tôi đã đặt ra câu hỏi có nên ưu đãi những ngành sản xuất sử dụng nhiều lao động không? Về vấn đề này, có nhiều quan điểm khác nhau. Một số người thì cho rằng cần thiết phải ưu đãi những dự án có sử dụng nhiều lao động, vì điều đó thể hiện ý nghĩa xã hội của dự án. Nhưng theo một số người khác, để quyết định có nên ưu đãi hay không, còn cần phải nhìn nhận các khía cạnh khác. Dự án thu hút nhiều lao động phổ thông như dệt may, da giày... không phải là dự án công nghệ cao. Vì vậy, nếu nhìn từ khía cạnh ưu tiên hiện đại hóa, phát triển công nghiệp thì đó không phải là dự án cần ưu đãi. Ngoài ra, cũng xin nói luôn rằng một đất nước chỉ dựa vào lợi thế về nhân công chi phí rẻ để thu hút đầu tư thì đất nước đó không bao giờ phát triển được. Nếu muốn phát triển, muốn thoát khỏi nghèo đói thì chúng ta phải dựa vào sức hút khác, chứ không phải là sức hút nhân công chi phí rẻ.

Về câu hỏi tại sao có những hoạt động vừa thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, vừa thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, tôi xin trả lời như sau: Những hoạt động mà Nhà nước Việt Nam thấy cần khuyến khích thì sẽ đưa vào danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư. Nhưng trong một số trường hợp, để được hưởng khuyến khích, hoạt động đầu tư còn phải đáp ứng một số điều kiện. Như vậy, hoàn toàn bình thường nếu một hoạt động vừa thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, vừa thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện. Hai điều này hoàn toàn không mâu thuẫn với nhau.

Về Điều 29 khoản 4, tôi nghĩ đây chính là một điểm mới của Luật này để bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư nước ngoài. Lấy ví dụ trong các lĩnh vực đầu tư có điều kiện, có những điều kiện áp dụng chung cho cả nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài nhưng có những điều kiện chỉ đặt ra đối với nhà đầu tư nước ngoài. Chúng ta không nên hiểu "bình đẳng" có nghĩa là bằng nhau.

Trên đây là phần giải thích của tôi cho một số câu hỏi mà đại biểu vừa đặt ra.

Nhân có các chuyên gia nước ngoài có mặt tại cuộc Tọa đàm ngày hôm nay, tôi xin hỏi một số vấn đề sau:

Một số cán bộ trực tiếp tham gia đàm phán WTO đã góp ý với chúng tôi rằng trong các buổi đàm phán, người ta thường xuyên đặt câu hỏi về các ưu đãi theo địa bàn và

theo lĩnh vực như ưu đãi đối với khu công nghiệp hoặc khu công nghệ cao và cho rằng đây là những ưu đãi bị cấm. Chúng tôi hiện rất phân vân. Các chuyên gia có thể cho biết tại sao chúng ta không thể ưu đãi khu công nghiệp như một địa bàn cần đầu tư phát triển? Bởi vì, theo quy định tại Điều 28 Luật Đầu tư, chúng tôi có hai loại địa bàn: địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; và khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao. Trong bối cảnh Việt Nam chưa đủ sức để đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng tốt và chấn chỉnh những thủ tục hành chính tốt trên toàn quốc thì chúng tôi buộc phải tập trung vào một số trọng điểm. Ở đây, chúng tôi nhìn nhận khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao như là một công cụ để phát triển công nghiệp và khởi động quá trình phát triển công nghiệp rộng rãi trên toàn quốc. Chúng tôi được biết ngay trong khu vực Đông Nam Á cũng có rất nhiều nước là thành viên WTO và họ vẫn đang thực hiện những biện pháp ưu đãi đối với khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao.

### **Ông Phạm Hồng Hải, Chủ nhiệm Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội**

Ông Thắng có nói rằng mục tiêu của chúng ta là làm sao xây dựng một Nghị định hướng dẫn thi hành thật chi tiết, để không cần ban hành thông tư đi kèm. Tuy nhiên, theo tôi, chúng ta không thể xây dựng một Nghị định như vậy. Bởi vì qua nghiên cứu Dự thảo, tôi thấy các quy định còn hết sức chung chung. Chúng ta có thể xác định đối tượng điều chỉnh của Nghị định này theo 3 cấp độ khác nhau: mức tối đa, mức vừa phải và mức tối thiểu. Đối với một Nghị định, không thể lựa chọn mức điều chỉnh tối thiểu. Do vậy, chỉ còn lại hai sự lựa chọn: mức tối đa và mức vừa phải. Điều chỉnh ở mức tối đa thì rất tốt, nhưng trong lĩnh vực kinh tế, điều này là rất khó. Bởi lẽ, chúng ta chắc chắn sẽ vấp phải những khái niệm, những phạm trù, những vấn đề mà kể cả người làm luật và làm kinh tế giỏi nhất cũng không lường hết được. Vì vậy, chỉ còn lại một sự lựa chọn duy nhất, đó là cố gắng điều chỉnh ở mức độ vừa phải. Đó là về kỹ thuật lập pháp.

Về câu hỏi của ông Thắng là liệu chúng ta có nên đưa các vấn đề đã được quy định trong các văn bản pháp luật khác hoặc thậm chí là trong các Nghị định cũ của Chính phủ, vào Nghị định này hay không, theo tôi, chúng ta phải biết chọn lọc: Có những quy phạm, chúng ta chỉ cần viện dẫn nhưng cũng có những quy phạm nên quy định lại. Bởi vì, nếu không quy định lại thì trong nhiều trường hợp, người nghiên cứu rất khó theo dõi. Ví dụ:

Nếu chúng ta viện dẫn đến các điều của Luật Đầu tư thì người nghiên cứu vẫn theo dõi được. Vì một khi nghiên cứu về một văn bản của pháp luật đầu tư thì đương nhiên, trước mặt người đó, phải có Luật Đầu tư. Nhưng không phải lúc nào người nghiên

cứ cũng có đầy đủ các văn bản pháp luật khác để nghiên cứu. Do vậy, ở Nghị định này, chúng ta chỉ nên viện dẫn các quy phạm của Luật Đầu tư, còn các quy phạm khác thì nên lặp lại.

Tiếp đến, về Điều 1 - Đối tượng điều chỉnh, phải nói thật là khi đọc khoản 1 Điều này, tôi không hiểu các nhà lập pháp định quy định cái gì. Đối tượng điều chỉnh ở đây là đối tượng điều chỉnh của Chương này hay là đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư? Theo tôi hiểu, thì đó chính là đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư. Nếu vậy thì chúng ta không thể dùng cụm từ "đối tượng điều chỉnh", bởi đối tượng điều chỉnh phải được quy định ngay từ Chương I. Như vậy, dùng cụm từ "đối tượng điều chỉnh" ở đây là không chuẩn. Chuyển sang khoản 2 Điều 1, theo tôi, cụm từ "*liên quan* đến hoạt động đầu tư" là không chính xác. Bởi vì nhiệm vụ của chúng ta là điều chỉnh hoạt động đầu tư chứ không phải hoạt động *liên quan* đến hoạt động đầu tư. Nếu là hoạt động liên quan đến hoạt động đầu tư thì quá rộng, Nghị định này không thể điều chỉnh hết được.

Ngoài ra, như tôi đã nói, hiện nay, còn rất nhiều khái niệm và phạm trù mà chúng ta chưa thống nhất được. Ví dụ: công nghệ *tiên tiến*, công nghệ *mới*, công nghệ *cao*, phải hiểu "cao" ở đây là cao với Việt Nam. Tôi nghĩ chúng ta sẽ không thể nào giải quyết được vấn đề nếu không quy định một tiêu chí chung. Đôi khi, trong quá trình làm luật cũng phải có những thỏa hiệp nhất định đối với một số khái niệm. Sau đó, tùy vào sự phát triển của từng thời kỳ mà chúng ta sẽ bổ sung bằng những thông tư hướng dẫn cụ thể. Ví dụ: chuẩn nghèo có thể được điều chỉnh tương ứng với trình độ phát triển kinh tế-xã hội. Trở lại với Nghị định, tôi thấy chúng ta quy định địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn được xác định trên cơ sở vị trí và trình độ phát triển của địa bàn. Quy định như vậy thì rất khó thực hiện. Tương tự, chúng ta quy định "địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn được công bố theo các tiêu chí đã quy định theo từng thời kỳ 5 năm". Câu hỏi đặt ra là "ai là người công bố?" Cấp tỉnh? Cấp trung ương?

Liên quan đến Điều 13 - Miễn thuế đối với thu nhập được chia, tôi không hiểu ở đây là "thu nhập" hay là "lãi"? Tôi không phải là chuyên gia kinh tế, nhưng theo tôi, dùng từ "lãi" thì sẽ chính xác hơn.

### **Ông Nguyễn Đình Tài**

Tôi xin được có một số giải trình như sau:

Đúng là ngay tại Điều 4 Luật Đầu tư, chúng ta đã ghi nhận nguyên tắc đối xử bình đẳng. Nhưng bình đẳng ở đây không có nghĩa là bằng nhau. Nhà đầu tư nước ngoài

khi tiến hành hoạt động đầu tư theo Luật Đầu tư vẫn phải tuân thủ một số cam kết quốc tế. Ngoài ra, để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư, nhà đầu tư nước ngoài sẽ phải chấp nhận đi sau các nhà đầu tư trong nước. Vì nước nào cũng phải áp dụng chính sách mở cửa dần dần. Đây là thông lệ và cách tiếp cận của Việt Nam là hoàn toàn bình thường.

Về ưu đãi mà ông Cử đã nêu, liên quan đến khu công nghiệp, khu công nghệ cao và khu chế xuất, điều này đã được ghi nhận trong Luật Đầu tư và chắc chắn phải ưu đãi. Chúng ta không nên lật trở lại vấn đề này. Nhiệm vụ của chúng ta ngày hôm nay là xem Nghị định nên hướng dẫn ở mức độ nào là phù hợp nhất.

Về nhận xét của Luật sư Phạm Hồng Hải, tôi cũng buộc phải thừa nhận rằng chúng tôi phấn đấu để Nghị định là văn bản hướng dẫn cuối cùng nhưng tôi không dám khẳng định chắc chắn.

Về câu hỏi có nên quy định lại trong Nghị định này hay nên dẫn chiếu đến văn bản khác, đây là một vấn đề còn gây nhiều tranh cãi. Thực tế hiện nay là hàng năm, Chính phủ ban hành gần 200 Nghị định. Do vậy, chúng tôi sẽ ghi nhận ý kiến đóng góp của quý vị và sẽ nghiên cứu thêm.

Về nhận xét liên quan đến đối tượng điều chỉnh, tôi xin ghi nhận ý kiến của Luật sư. Lưu ý thêm với quý vị rằng hôm nay, chúng ta chỉ thảo luận về một Chương trong Dự thảo Nghị định Luật Đầu tư.

Liên quan đến thẩm quyền ban hành các danh mục, Điều 31 Luật Đầu tư quy định Chính phủ là cơ quan duy nhất có thẩm quyền ban hành các danh mục. Như vậy, các địa phương không được phép ban hành các danh mục này. Mục tiêu của chúng tôi là xây dựng ngay từ Nghị định này một danh mục có thể tồn tại được khoảng 5 năm.

### **Bà Vũ Thị Hồng Loan, Cục Tài chính doanh nghiệp, Bộ Tài chính**

Dự thảo Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư có một số điểm chưa rõ, rất mong Ban Soạn thảo giải thích thêm, cụ thể như sau:

Thứ nhất, về điều kiện để được hưởng ưu đãi đầu tư (vấn đề này đã được quy định tại Luật Đầu tư), do hiện nay Việt Nam đang đàm phán gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), nên cần xem xét quy định như vậy có trái với cam kết của tổ chức này không? Nếu có thì phải xử lý như thế nào?

Thứ hai, tôi đồng tình với ý kiến của đại biểu đã phát biểu lúc trước, đó là đối với vấn đề miễn thuế đối với thu nhập được chia, cần quy định rõ đó là thuế thu nhập doanh nghiệp, bởi vì người góp vốn có thể được chia những lợi ích khác ngoài thu nhập

doanh nghiệp, khi đó sẽ không thuộc trường hợp được miễn thuế này. Ngoài ra, chúng tôi hiểu rằng đó là thuế thu nhập được miễn trên đất nước Việt Nam, còn nhà đầu tư góp vốn ở Việt Nam có được miễn thuế ở nước họ hay không nếu giữa 2 nước chưa có hiệp định tránh đánh thuế 2 lần?

Thứ ba, liên quan đến việc *khấu hao tài sản cố định*, dự thảo quy định nếu dự án đầu tư đủ điều kiện thì được áp dụng khấu hao không quá 02 lần mức khấu hao theo chế độ. Vậy nếu là doanh nghiệp thì có được áp dụng mức khấu hao cao hơn 2 lần so với chế độ không?

Thứ tư, về *hỗ trợ đầu tư vào các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế*, cần làm rõ hơn quy định về việc hỗ trợ vốn của Nhà nước, vì "hỗ trợ vốn" có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức: cho doanh nghiệp vay vốn, ưu đãi lãi suất, hỗ trợ nhằm bổ sung thêm vốn của chủ doanh nghiệp, v.v.

### **Ông Nguyễn Đình Tài**

Về *điều kiện để được hưởng ưu đãi đầu tư*, trong cuộc họp bàn trước khi diễn ra tọa đàm này, Ban Soạn thảo đã thống nhất hướng quy định chi tiết hơn so với dự thảo này, đồng thời cũng đặt tên lại một số danh mục, theo đó: Danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư là A1, Danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư là A2, Danh mục địa bàn đặc biệt khó khăn là B1, Danh mục địa bàn khó khăn là B2, Danh mục địa bàn cấm đầu tư là C, Danh mục khu công nghiệp, khu chế xuất... là D. Trên cơ sở đó, chúng tôi đã quy định cụ thể hơn các mức ưu đãi, ví dụ, đầu tư vào A1 thì được ưu đãi như thế nào, đầu tư vào A1 +B1 thì được ưu đãi như thế nào...

Liên quan đến việc những quy định về ưu đãi đầu tư hiện nay của Việt Nam có trái với quy định của WTO hay không, rất mong các chuyên gia Pháp có bình luận giúp tôi. Nhưng như tôi đã nói lúc trước, Luật Đầu tư mới đã bỏ hoàn toàn các ưu đãi về xuất khẩu như thưởng xuất khẩu, hỗ trợ xuất khẩu, miễn thuế xuất khẩu; các tín dụng ưu đãi cho xuất khẩu cũng bị hạn chế nhiều. Điều đó chứng tỏ chúng ta cũng đã có nỗ lực nhằm tránh cho quy định nội luật trái với quy định của WTO. Ngoài ra, trong đàm phán gia nhập, tất nhiên chúng ta cũng sẽ có lộ trình cụ thể, chứ không bắt buộc ngay lập tức mở cửa toàn bộ.

Về *khấu hao tài sản cố định*, điều luật trong dự thảo này quy định về *khấu hao nhanh*. Thực ra quy định tại điều luật này chỉ là mở rộng hơn một chút so với quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2003: theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2003, dự án có *hiệu quả cao* thì được áp dụng khấu hao nhanh nhưng không quá 02 lần mức khấu hao theo chế độ; quy định tại dự thảo này chỉ mở rộng thêm

diện được phép áp dụng khấu hao nhanh đối với dự án đầu tư thuộc các danh mục khuyến khích đầu tư, chứ không dám quy định cho phép vượt quá 02 lần chế độ. Còn đối với khấu hao chậm hơn thì do Bộ Tài chính quy định.

### **Ông Lê Tuyên Cử**

Bản dự thảo quý vị đang có trong tay chỉ là sơ thảo ban đầu và chưa được trao đổi, thống nhất trong Ban Soạn thảo. Theo Luật Đầu tư mới, theo thực tiễn cũng như theo ý định của Ban Soạn thảo trong dự thảo Nghị định sắp tới, việc *Nhà nước hỗ trợ đầu tư vào các khu công nghiệp...* chỉ tập trung vào việc hỗ trợ một phần vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trong những khu công nghiệp *thuộc địa bàn có điều kiện khó khăn và đặc biệt khó khăn*, cụ thể hơn là *chỉ hỗ trợ cho 2 hạng mục* là đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng nhà máy xử lý nước thải.

Tại sao như vậy? Thứ nhất là vì ngân sách nhà nước còn hạn chế nên không thể hỗ trợ tất cả. Thứ hai, sở dĩ Nhà nước hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng là do theo Luật Đất đai, đất lấy để làm khu công nghiệp là đất thuộc diện Nhà nước thu hồi, nên theo nguyên tắc, Nhà nước chịu trách nhiệm đền bù giải phóng mặt bằng. Nhưng thực tế hiện nay, các chính quyền địa phương chưa thực hiện được việc đó vì ngân sách địa phương không đủ, cho nên ngân sách trung ương phải hỗ trợ. Bên cạnh đó, trên thực tế, các nhà đầu tư vào hạ tầng khu công nghiệp hiện nay thường phải ứng trước tiền đền bù giải phóng mặt bằng, sau đó mới được trừ dần vào các nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Thứ ba, hạng mục đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải đòi hỏi nhiều vốn mà thời gian thu hồi vốn lại chậm nên các nhà đầu tư thường trì hoãn xây dựng, do đó, vừa để đảm bảo mục đích bảo vệ môi trường, vừa đảm bảo quyền lợi của nhà tư đầu tư, Nhà nước mới hỗ trợ một phần đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải.

### **Đại biểu Bộ Tài chính**

Trước hết, tiếp nối mạch của chị Loan và anh Cử liên quan đến chính sách đối với các khu kinh tế đặc biệt như khu công nghiệp, khu chế xuất..., hiện nay chúng tôi có một băn khoăn mong được các chuyên gia giải đáp, đó là trong số các biện pháp ưu đãi đầu tư hiện nay ở Việt Nam (tập trung vào ưu đãi thuế và hỗ trợ đầu tư), biện pháp nào được coi là phù hợp, biện pháp nào không phù hợp với thông lệ quốc tế? Đoàn đàm phán gần đây nhất về việc gia nhập WTO đã yêu cầu chúng tôi phải tính toán các ưu đãi thuế đã dành cho các dự án đầu tư và các khu kinh tế đặc biệt (khu công nghiệp, khu chế xuất...), cụ thể hơn là các doanh nghiệp xuất khẩu. Phải chăng kể cả những ưu đãi thuế dành cho dự án đầu tư vào các khu này và cho các doanh nghiệp



thiên về xuất khẩu cũng sẽ đều bị cấm, hay đây chỉ là một động thái báo động? Bởi vì tôi cho rằng không phải cứ là luật thì cố định, mà bất kỳ luật nào cũng vậy, nếu có vi phạm so với quy định của WTO thì ta phải sửa; vì vậy, khi chưa ra hướng dẫn cụ thể thì ta càng phải rà soát và tham khảo ý kiến để vững tin hơn và tránh trường hợp phải chỉnh sửa nhiều sau khi ban hành Nghị định.

Thứ hai, do bản dự thảo này mới chỉ là sơ thảo như thành viên Ban Soạn thảo đã nói, cho nên tôi mới hiểu vì sao bản dự thảo lại có nhiều điểm quy định không rõ ràng và dễ gây mập mờ như vậy. Như chuyên gia Pháp đã bình luận, cần xác định rõ hơn các lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên, cụ thể hơn là các nguyên tắc để xác định một dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên, vì đứng dưới góc độ nhà đầu tư, họ quan tâm nhiều hơn đến việc dự án đầu tư của họ có thuộc phạm vi lĩnh vực được ưu tiên hay không, từ đó mới ra quyết định đầu tư.

Quy định "Nhà nước hỗ trợ vốn cho các nhà đầu tư đầu tư vào các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế xây dựng kết cấu hạ tầng trong hàng rào" là không ổn, vì hiện nay Nhà nước cũng chỉ hỗ trợ ngoài hàng rào mà thôi, còn nếu có chính sách hỗ trợ 2 hạng mục trong hàng rào như ông Cử nói thì cần quy định rõ.

Mặt khác, tôi cũng ủng hộ ý kiến của chị Loan là cần nêu rõ các hình thức, biện pháp hỗ trợ của Nhà nước đối với đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất... Nếu dưới Nghị định sẽ có thông tư hướng dẫn thì thông tư sẽ phải nêu rõ sau, còn nếu chỉ có Nghị định thôi thì nhất thiết phải quy định cụ thể ở đây, nếu không sẽ khó tránh khỏi trường hợp trong thực tiễn áp dụng những hình thức hỗ trợ trái với quy định chung, gây nhiều hậu quả phiền phức.

Ngoài ra, nên bổ sung quy định về đầu tư của Nhà nước nhằm xây dựng kết cấu hạ tầng ngoài hàng rào các khu và quy định về vấn đề quy hoạch.

### **Ông Lê Tuyên Cử**

Qua 2 ngày làm việc vừa qua, Ban Soạn thảo đã thống nhất ý kiến chi tiết hóa dự thảo Nghị định và chỉnh lý rất nhiều điểm so với bản sơ thảo này. Riêng về phần liên quan đến các khu công nghiệp, khu chế xuất..., bản dự thảo mới không gộp chung tất cả các loại khu vào một điều luật, mà có sự tách bạch vì mức độ hỗ trợ khác nhau giữa các khu:

Khu công nghệ cao (cả nước chỉ có 2 khu) được hưởng sự hỗ trợ cao hơn so với khu công nghiệp và khu chế xuất, chẳng hạn như Nhà nước hỗ trợ đầu tư nhiều hạng mục hơn, mức hỗ trợ từ vốn ngân sách cao hơn... Đối với khu công nghiệp, khu chế xuất

thì Nhà nước chỉ hỗ trợ đầu tư 2 hạng mục như tôi đã nói. Còn đối với khu kinh tế thì với một phạm vi rộng hơn rất nhiều so với khu công nghiệp nên không có sự phân biệt trong - ngoài hàng rào mà chỉ có một số khu chức năng nhất định, cho nên chính sách và cách thức Nhà nước hỗ trợ như thế nào sẽ được Thủ tướng quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của từng khu. Dự thảo Nghị định tới đây sẽ có quy định rất cụ thể về vấn đề này. Chúng tôi sẽ chuyển bản dự thảo đó cho các bộ ngành để xin ý kiến.

Liên quan đến chính sách tín dụng ưu đãi, trong số các khu thì khu công nghiệp và khu chế xuất sẽ không được hưởng, chỉ khu công nghệ cao và khu kinh tế mới được vay ưu đãi từ tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

### **Ông Nguyễn Văn Bình**

Một câu hỏi đã được nêu lên từ đầu, được nhiều đại biểu nhắc lại và đang chờ ý kiến của chuyên gia, đó là: những dự liệu về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đã hợp lý chưa trong bối cảnh Việt Nam chuẩn bị gia nhập WTO?

### **Ông François COTIER, Tham tán thương mại, Thương vụ Pháp tại Hà Nội**

Tôi không phải là chuyên gia về WTO nhưng do lĩnh vực của tôi cũng có ít nhiều liên quan đến pháp luật của WTO, nên xin nêu một số nội dung như sau:

Một trong những nguyên tắc cơ bản theo quy định của WTO là cấm trợ cấp xuất khẩu. Tuy nhiên, như luật sư LE DREAU đã nói, ngoại lệ có thể được áp dụng đối với những nước kém phát triển: những nước này có một thời gian chuyển đổi để xóa bỏ dần các biện pháp trợ cấp xuất khẩu. Ngoại lệ này muốn được áp dụng đối với nước nào thì phải được sự đồng ý của tất cả các thành viên của WTO. Đó cũng là nội dung đàm phán mà Việt Nam đã và đang tiến hành với tất cả các đối tác liên quan. Có lẽ là tất cả các thành viên đều chấp nhận, chỉ trừ 2 nước còn lại mà Việt Nam đang phải đàm phán tiếp.

Bên cạnh nguyên tắc quan trọng nêu trên, tôi cũng đặc biệt lưu ý đến một khái niệm là "khu chế xuất" - khu vực mà các doanh nghiệp thành lập và hoạt động trong đó có thể được hưởng các ưu đãi về tín dụng, giảm thuế hay ưu đãi khác về thuế. Điều quan trọng là những ưu đãi thuế này phải được quy định và thực hiện một cách minh bạch, chứ không được áp dụng một cách riêng rẽ. Doanh nghiệp nước nào được hưởng trợ cấp hay ưu đãi riêng, dù trên thực tế hay theo quy định của nội luật, cũng đều sẽ bị xử lý theo Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng. Khi đó, các nước thành viên khác của WTO có thể áp thuế chống trợ cấp đối với hàng xuất khẩu của doanh nghiệp nói trên vào nước mình. Điều này sẽ gây ra nhiều hậu quả đối với nước xuất

khâu. Việt Nam đã phải chịu hậu quả vì các biện pháp chống bán phá giá áp dụng đối với sản phẩm cá tra và da giày. Xin lưu ý các biện pháp chống trợ cấp cũng có mức độ và hậu quả tương đương như các biện pháp chống bán phá giá. Do vậy, theo tôi, trong nghiên cứu xây dựng dự thảo Nghị định này, các bạn cần xem xét kỹ pháp luật của WTO cũng như của các đối tác lớn, để bảo đảm cho văn bản sẽ ban hành phù hợp với quy định của WTO, tránh hậu quả bất lợi có thể xảy ra đối với nền kinh tế đất nước.

**Ông Albert FRANCESKINJ, Luật sư, Văn phòng Luật sư Vovan & Cộng sự,  
TP Hồ Chí Minh**

Trước hết, có thể nhận thấy rằng dù Việt Nam đã là thành viên của WTO hay chưa thì doanh nghiệp Việt Nam vẫn có thể bị nước ngoài kiện, chẳng hạn như các vụ kiện về bán phá giá của Mỹ hay Liên minh châu Âu (EU) vừa qua. Do đó, *các ưu đãi đầu tư* của Việt Nam, cho dù áp dụng đối với doanh nghiệp trong nước hay doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cũng *không được duy trì quá lâu*, không được áp dụng suốt thời hạn giấy phép hoạt động, mà chỉ nên hạn chế trong một thời gian nhất định. Điều này rất quan trọng.

Thứ hai, cần phân biệt giữa ưu đãi dành cho doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu và ưu đãi dành cho doanh nghiệp sản xuất hàng để tiêu thụ trong nội địa. Nếu dành ưu đãi cho doanh nghiệp xuất khẩu thì doanh nghiệp đó, dù là đầu tư trong nước hay đầu tư nước ngoài, sẽ có nguy cơ bị kiện do bán phá giá, hoặc do vi phạm quy định của WTO một khi Việt Nam là thành viên của tổ chức này.

Bên cạnh những ưu đãi về lãi suất tín dụng hay về thuế, tôi cho rằng các bạn cũng nên xem xét lại mức thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là một yếu tố có thể thúc đẩy các doanh nghiệp bớt gian lận, bớt che dấu hiệu quả kinh doanh của họ hơn. Nếu thuế thu nhập doanh nghiệp được quy định ở mức tương đối thấp và hợp lý, thì điều đó sẽ khuyến khích nhiều doanh nghiệp hơn khai báo đầy đủ doanh số, lợi nhuận của họ và sẽ nộp thuế nhiều hơn cho Nhà nước. Theo tôi, thuế suất hợp lý phải dưới mức 28% như đang áp dụng hiện nay, có thể là 20%. Nhưng đi kèm theo đó phải có những biện pháp chế tài thật nặng để áp dụng đối với doanh nghiệp vẫn còn gian lận. Đây là quan điểm của Mỹ trong việc thu thuế: Nhà nước để cho các doanh nghiệp tự khai báo và nộp thuế, nhưng Nhà nước sẽ có những cuộc kiểm tra ngẫu nhiên, doanh nghiệp nào gian lận thuế sẽ phải chịu chế tài rất nghiêm khắc. Ở đây, tôi không muốn nói đến thuế suất áp dụng ở Mỹ hay ở Pháp (thuế suất đánh vào lợi nhuận của doanh nghiệp ở Pháp là 32 - 33%, cao hơn ở Việt Nam, nhưng mức 28% ở Việt Nam vẫn thuộc loại cao). Điều quan trọng hơn là nền

kinh tế Việt Nam phải có những điều kiện gì để áp dụng một mức thuế suất thấp hơn vào khoảng 20%? Theo tôi, cơ chế áp dụng ở đây có thể là để cho doanh nghiệp tự khai báo và nộp thuế, nhưng cơ quan quản lý sẽ kiểm tra ngẫu nhiên và bất ngờ (chứ không kiểm tra toàn bộ như hiện nay nữa, và lại cơ chế kiểm tra này cũng không khả thi), nếu doanh nghiệp nào gian lận sẽ bị xử lý nghiêm khắc. Biện pháp chế tài trong trường hợp này không nhất thiết phải là phạt tù, mà có thể là xử lý phá sản, tịch thu tài sản...

Liên quan đến nhận xét về việc nên chỉ ban hành Nghị định hay ban hành cả thông tư hướng dẫn, tôi cho rằng chúng ta không thể nói trước được là sẽ ban hành hay không ban hành nghị định hay thông tư, vì chúng ta không biết chắc chắn là tình hình kinh tế cũng như pháp luật của Việt Nam sẽ phát triển đến mức nào. Không nên cho rằng Việt Nam đã có quá nhiều văn bản pháp luật rồi, bởi vì khung pháp lý cho hệ thống kinh tế ở Việt Nam vẫn chưa hoàn thiện. Do đó, nếu thực tế cần có văn bản pháp luật điều chỉnh thì cơ quan có thẩm quyền nên ban hành, nhưng phải bảo đảm là các văn bản pháp luật thật cụ thể, từ ngữ sử dụng không được khó hiểu hoặc gây nhiều cách hiểu khác nhau giữa các bộ ngành, luật sư, thẩm phán. Tôi và một số đồng nghiệp nhận thấy rằng nhà làm luật thường soạn thảo luật với những từ ngữ chung chung, gây sự hoài nghi cho người đọc. Có thể họ muốn để dành cho các văn bản dưới luật hướng dẫn, bổ sung thêm. Nhưng mặt khác, điều đó dẫn tới nguy cơ có sự hiểu và giải thích khác nhau giữa các bộ ngành (mỗi bộ đều giải thích và hướng dẫn áp dụng theo hướng có lợi nhất cho bộ ngành mình) và gây cảm giác không an toàn cho các nhà đầu tư (kể cả trong nước lẫn nước ngoài). Trong khi đó, nếu mỗi văn bản pháp luật đều được soạn thảo một cách cụ thể, rõ ràng thì sẽ tránh được việc phải ban hành thêm nhiều văn bản hướng dẫn và tránh được những hệ quả phức tạp khác.

### **Ông Lê Tuyên Cử**

Sau khi Nghị định hướng dẫn Luật đầu tư mới này được ban hành, những ưu đãi đối với đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất sẽ có xu hướng giảm đi để đáp ứng yêu cầu gia nhập WTO. Vậy phải xử lý như thế nào đối với các doanh nghiệp đã thành lập và hoạt động từ lâu trong các khu công nghiệp, khu chế xuất ở Việt Nam (phần lớn là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), khi mà Nhà nước Việt Nam đã cam kết với họ là nếu luật pháp, chính sách thay đổi theo hướng ưu đãi thấp hơn thì tiếp tục cho họ hưởng những ưu đãi cũ, và trong số những ưu đãi trước đây thì có ưu đãi theo tỷ lệ xuất khẩu và là ưu đãi suốt đời dự án? Đây là vấn đề khó xử giữa một bên là yêu cầu hội nhập và bên kia là lời cam kết của Nhà nước Việt Nam đối với các nhà đầu tư, rất mong các chuyên gia cho ý kiến góp ý.

**Ông Albert FRANCESKINJ**

Vấn đề này quả thực rất khó xử. Tôi cho rằng không thể có được một giải pháp hoàn hảo mà chỉ có thể tìm ra một số giải pháp dung hòa theo hướng thay vì cho nhà đầu tư tiếp tục hưởng những ưu đãi cũ, Nhà nước Việt Nam có thể bù đắp bằng những ưu đãi khác ít mang tính trợ cấp hơn. Tiếc là cụ thể như thế nào thì tôi cũng chưa nghĩ ra. Bây giờ, các bạn đang chuẩn bị cho tương lai nên muốn tránh những trở ngại đó. Nhưng còn đối với những vấn đề tương tự đã phát sinh trong quá khứ thì sao? Trước đây, một vài khách hàng của tôi là nhà đầu tư nước ngoài đã bị Nhà nước Việt Nam đánh thuế nhập khẩu linh kiện phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu sau vài năm cho miễn hoặc giảm thuế đó. Chúng tôi đã ra Hà Nội làm việc với bên Bộ Tài chính để yêu cầu cho tiếp tục được hưởng thuế suất ưu đãi. Nhưng phải thừa nhận rằng những ưu đãi này không chỉ ảnh hưởng đến sức thu hút đầu tư nước ngoài, mà còn ảnh hưởng đến giá thành sản xuất và giá bán, từ đó gây bất lợi cho nhà sản xuất ở các nước khác trên thế giới.

Đây đúng là một vấn đề rất khó giải quyết. Tôi cũng không biết các bạn phải làm như thế nào. Nên chăng tham chiếu đến thuế thu nhập doanh nghiệp? Tôi cũng không rõ là việc miễn thuế cho nhà đầu tư trong vòng 5 - 8 năm đầu, sau đó giảm 50% trong 4 năm tiếp theo thì có bị coi là biện pháp trợ cấp hay không. Vấn đề này đòi hỏi phải được bàn bạc sâu hơn.

**Ông Nguyễn Văn Bình**

Do vấn đề không dễ chút nào nên chúng ta cùng tiếp tục suy nghĩ. Tiếp theo, xin mời ông Albert FRANCESKINJ trình bày một vấn đề rất lý thú liên quan đến hệ thống đăng ký kinh doanh tại Pháp.

**Ông Albert FRANCESKINJ**

Xin cảm ơn Nhà Pháp luật Việt-Pháp đã tạo điều kiện cho chúng tôi được thảo luận và trao đổi thông tin với nhau. Tôi cũng xin cảm ơn Bộ Kế hoạch và đầu tư Việt Nam đã cho phép tôi được phát biểu ý kiến và tham gia thảo luận cùng chúng tôi.

Từ 2, 3 năm nay, Bộ Kế hoạch và đầu tư cũng như các Sở Kế hoạch và đầu tư thuộc các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương đã có rất nhiều cải tiến trong thủ tục đăng ký kinh doanh theo hướng chuyển từ xin phép thành lập sang đăng ký thành lập doanh nghiệp. Thủ tục đăng ký mới ngày càng được hoàn thiện dần với quá trình tin học hóa. Hiện nay, doanh nghiệp ở Việt Nam có thể đăng ký thành lập thông qua Internet. Tất nhiên, thủ tục thành lập mới doanh nghiệp cũng đòi hỏi một thời gian nhất định mới hoàn thành. Việt Nam đang trong quá trình chuẩn hóa các thủ tục đăng ký kinh

doanh. Trong bối cảnh đó, cho phép tôi giới thiệu hệ thống đăng ký kinh doanh hiện nay ở Pháp và so sánh với hệ thống hiện hành của Việt Nam.

**Hệ thống đăng ký kinh doanh ở Pháp** từ lâu đã được xây dựng trên cơ sở *đăng ký tại phòng lục sự các tòa án thương mại*. Cả thương nhân và doanh nghiệp thương mại (cũng như doanh nghiệp dân sự) đều đăng ký tại đây. Do thẩm phán tòa án thương mại được bầu trong số các thương nhân nên tòa án thương mại có thể coi là một tổ chức do các thương nhân lãnh đạo và hoạt động như một doanh nghiệp, mặc dù đây là một thiết chế có nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công. Thủ tục đăng ký vào Sổ đăng ký kinh doanh (do phòng lục sự của tòa án thương mại quản lý) tương đối rõ ràng và đơn giản. Hồ sơ do doanh nghiệp nộp sẽ được xử lý ngay lập tức và doanh nghiệp sẽ được đăng ký một cách tự động, chỉ cần hồ sơ đó hoàn chỉnh. Điều kiện này tương tự như ở Việt Nam: cơ quan đăng ký kinh doanh của Việt Nam cũng yêu cầu trước hết phải có hồ sơ hợp lệ để trên cơ sở đó xem xét cấp giấy phép hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Thời hạn đăng ký một doanh nghiệp tại phòng lục sự của tòa án thương mại ở Pháp là 1 ngày, tức là trong vòng 24 tiếng. Có được thời hạn như vậy một phần là do thực tiễn chúng tôi đã làm từ hàng chục năm nay, hơn nữa là nhờ vào hệ thống nối mạng. Phí đăng ký một doanh nghiệp dao động từ 43,5€ đến 59€ (tương đương 600000 - 1200000 VND).

Sau khi được đăng ký, doanh nghiệp phải làm thủ tục khai báo với cơ quan thuế và đăng bố cáo thành lập trên một tờ báo lớn. Mọi thông tin liên quan đến doanh nghiệp mới thành lập cũng như thương nhân được đăng ký đều được công khai, có nghĩa là bất kỳ ai cũng có thể yêu cầu phòng lục sự của tòa án thương mại cấp trích lục về một doanh nghiệp mới thành lập nào đó. Việt Nam cũng đã bắt đầu cung cấp dịch vụ này qua Internet: mọi người có thể xem giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cũng như thành phần ban quản lý hoặc hội đồng thành viên công ty qua Internet. Tôi đã thử ở thành phố Hồ Chí Minh và thấy rằng hệ thống này đang hoạt động tốt.

Ở Pháp, cần phân biệt doanh nghiệp và thương nhân với một loại đối tượng khác được đăng ký theo một hệ thống khác là Sổ đăng ký nghề nghiệp. Đó là những người làm nghề thủ công. Họ không nhất thiết phải là thương nhân. Sổ đăng ký nghề nghiệp do Phòng Thương mại và công nghiệp quản lý. Thủ tục đăng ký ở đây cũng tương tự như đăng ký tại Sổ đăng ký kinh doanh, có nghĩa là chỉ cần bạn nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, thì bạn sẽ được cấp giấy chứng nhận đăng ký nghề nghiệp; từ đó bạn được tồn tại và hoạt động một cách hợp pháp.

Một nguyên tắc đã có từ trước đến nay ở Pháp, đó là doanh nghiệp phải có tư cách pháp nhân mới là doanh nghiệp tồn tại hợp pháp: doanh nghiệp chỉ có tư cách pháp nhân kể từ thời điểm đăng ký kinh doanh, chứ chưa có tư cách pháp nhân từ thời điểm giao kết thỏa thuận thành lập doanh nghiệp.

Khi thành lập doanh nghiệp tại Pháp, bạn cũng có thể yêu cầu sự hỗ trợ của một Trung tâm hỗ trợ thủ tục doanh nghiệp (CFE). Các trung tâm này hoạt động với mục đích cung cấp cho thương nhân hay những người có ý định thành lập doanh nghiệp mọi thông tin cần thiết, không chỉ liên quan đến việc đăng ký thành lập, mà còn liên quan đến việc kiểm tra các giấy tờ do doanh nghiệp xuất trình và đăng ký tại cơ quan thuế... Các trung tâm này cũng hoạt động với mục đích thông tin cho các cơ quan quản lý khác về việc thành lập các doanh nghiệp. Tôi cho rằng đây chính là một yếu tố còn thiếu ở Việt Nam. Ở Việt Nam chưa có một tổ chức nào vừa làm cầu nối giữa Bộ KH-ĐT hay các Sở KHĐT với các cơ quan, ban ngành khác như cơ quan quản lý thuế, lao động..., vừa có vai trò hỗ trợ miễn phí cho người thành lập doanh nghiệp, thương nhân.

Thủ tục đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp tại Pháp được thực hiện như sau: Trước hết, muốn thành lập doanh nghiệp thì bạn phải có vốn. Thành viên sáng lập có thể góp vốn bằng tiền mặt. Vốn góp bằng tiền mặt phải được gửi tại một tài khoản trong ngân hàng và tài khoản này sẽ phải đóng băng trong suốt thời gian làm thủ tục thành lập doanh nghiệp. Như vậy, trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, bạn sẽ phải xuất trình giấy chứng nhận có tài khoản vốn góp trong ngân hàng và tài khoản đó đang được phong tỏa (Việt Nam lúc đầu đã yêu cầu phải có loại giấy tờ này, nhưng sau này đã bỏ). Trong trường hợp góp vốn bằng hiện vật, bạn sẽ phải liên hệ với một giám sát viên về góp vốn, thông thường là một kiểm toán viên, để người này chứng nhận là bạn đã góp tài sản bằng hiện vật vào doanh nghiệp và xác nhận giá trị tài sản góp vốn của bạn.

Trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, bạn cũng sẽ phải nộp dự thảo điều lệ công ty (quy định này tương tự như ở Việt Nam). Bạn phải chỉ định một hoặc nhiều người lãnh đạo, quản lý công ty. Đồng thời, bạn phải nộp bản tường trình về những giao dịch đã thực hiện nhằm thành lập công ty, ví dụ như thuê luật sư, thuê địa điểm để làm trụ sở... Tất cả những chi phí cho các giao dịch đó sẽ được tính chung là chi phí thành lập doanh nghiệp và được coi là một khoản vốn đầu tư.

Sau khi đăng ký kinh doanh, nếu bạn không thông qua một Trung tâm hỗ trợ thủ tục doanh nghiệp (CFE) thì bạn sẽ phải tiến hành tiếp việc đăng ký với cơ quan thuế bằng cách điền vào 4 bản đăng ký theo mẫu. Thủ tục này tương đối đơn giản và không phải

trả phí, bạn chỉ cần làm tại đội thuế của phường chứ không cần đến chi cục thuế tỉnh, thành phố.

Thủ tục cuối cùng mà tôi đã nêu ở trên là đăng báo thành lập trên báo. Sau khi đăng báo thành lập, doanh nghiệp của bạn đã sẵn sàng hoạt động.

So sánh với quy định hiện hành của Việt Nam, tôi nhận thấy việc thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam còn gặp một số khó khăn về thủ tục. Xin nêu một số vấn đề chính như sau:

Thứ nhất, ở Việt Nam có 2 chế độ khác nhau dựa trên sự phân biệt giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài. Ở Pháp nếu có sự phân biệt về quốc tịch của nhà đầu tư thì cũng không dẫn đến việc áp dụng 2 chế độ đối xử khác nhau về mức độ ưu đãi.

Thứ hai, ở Việt Nam chưa có cơ chế tập trung hóa thông tin trong cả nước vào một đầu mối cấp quốc gia. Trong khi đó, như tôi đã trình bày, ở Pháp, với hệ thống các Trung tâm hỗ trợ thủ tục doanh nghiệp (CFE) nên không chỉ phòng lục sự các tòa án thương mại mà mọi cơ quan, ban ngành khác cũng có thể nhận được thông tin từ CFE. Nhờ chủ trương tập trung hóa thông tin về doanh nghiệp trong toàn quốc, nên các cơ quan quản lý nhà nước có thể chủ động tiếp cận, còn mọi người dân Pháp có thể yêu cầu được cung cấp thông tin đó.

Ở Việt Nam hiện nay, mọi người đã có thể tra cứu thông tin từ cơ quan đăng ký kinh doanh, hy vọng hoạt động này sẽ ngày càng được phổ biến. Tuy nhiên, vẫn còn một điểm bất cập lớn liên quan đến việc thông tin về tình hình doanh nghiệp sau khi được thành lập, đó là cơ quan đăng ký kinh doanh tiến hành đăng ký thành lập một doanh nghiệp nhưng lại không theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp đó. Ở Việt Nam, doanh nghiệp chỉ phải nộp báo cáo tài chính đã kiểm toán cho cơ quan thuế, chứ không có nghĩa vụ đó với cơ quan đăng ký kinh doanh. Trong khi đó, ở Pháp, vào tháng 4 hàng năm, sau khi khai báo thuế xong với cơ quan thuế, mỗi doanh nghiệp đều phải nộp báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính cho cơ quan đăng ký kinh doanh. Điều này cho phép cơ quan quản lý Sở đăng ký kinh doanh thống kê được một vài số liệu về doanh nghiệp như doanh thu, lỗ, lãi..., và điều quan trọng hơn là qua đó khẳng định được rằng doanh nghiệp vẫn đang hoạt động. Nếu công ty nào vẫn hoạt động nhưng không nộp báo cáo năm, thì sẽ bị xử lý hành chính (phạt tiền), còn nếu công ty không hoạt động nữa thì các thành viên công ty có quyền làm thủ tục tuyên bố tạm ngừng hoạt động (chứ không nhất thiết phải giải thể công ty). Pháp luật Việt Nam hiện hành cũng cho phép khả năng này và trong thực tiễn đã có vài trường hợp ở thành phố Hồ Chí Minh.



Hình như ở Việt Nam không chấp nhận những doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, bởi tôi nhận thấy nếu có doanh nghiệp nào kinh doanh thua lỗ hoặc không có lợi nhuận trong nhiều năm thì cơ quan quản lý nhà nước có quyền chấm dứt hoạt động cũng như sự tồn tại của doanh nghiệp đó. Về điểm này, nếu tôi có gì nhầm lẫn thì mong các bạn giải thích giúp.

Thực tế cho thấy cơ quan quản lý của Việt Nam phải đối mặt với một số vấn đề liên quan đến doanh nghiệp "ma" - những doanh nghiệp được thành lập chỉ nhằm trốn thuế như thuế giá trị gia tăng hay thuế xuất nhập khẩu. Tình hình này đã buộc cơ quan thuế phải đến kiểm tra tại chỗ xem doanh nghiệp có thực sự tồn tại hay không trước khi đưa ra ý kiến đồng ý để Sở KH-ĐT cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Đây là một giải pháp thiết thực, nhưng trong một nền kinh tế ngày càng phát triển với sự ra đời của ngày càng nhiều công ty tư nhân, cơ quan quản lý không thể duy trì lâu việc cử người đích thân đến từng nơi để kiểm tra, vì công việc này đòi hỏi quá nhiều thời gian và công sức.

Nhìn chung, để hoàn thiện hệ thống đăng ký kinh doanh ở Việt Nam, tôi cho rằng các bạn cần tiến hành tin học hóa một cách mạnh mẽ nhằm xây dựng một hệ thống tổ chức vững mạnh, tạo điều kiện tập trung xử lý và quản lý thông tin, theo dõi và tổ chức kiểm tra đều đặn tình hình hoạt động của các doanh nghiệp. Doanh nghiệp được coi là một tác nhân của nền kinh tế quốc dân. Do đó, việc Nhà nước sử dụng những phương tiện, biện pháp để kiểm soát việc ra đời, hoạt động, chết đi và cả những vấn đề phát sinh của doanh nghiệp như khó khăn về ngân quỹ, tài chính... là một việc hoàn toàn bình thường. Tuy nhiên, Nhà nước sẽ khó có thể thực hiện được tốt chức năng kiểm soát này nếu như không có một hệ thống quản lý tin học hóa vững mạnh và một đội ngũ nhân viên có trình độ.

### ***Câu hỏi***

Các trung tâm hỗ trợ thành lập doanh nghiệp ở Pháp là tổ chức nhà nước hay tư nhân?

### **Ông Albert FRANCESKINJ**

Các trung tâm hỗ trợ thủ tục doanh nghiệp (CFE) là tổ chức của Nhà nước, được thành lập với mục đích thông tin cho những người muốn thành lập doanh nghiệp về quyền và nghĩa vụ của họ, theo dõi việc thực hiện các thủ tục sao cho quá trình đó diễn ra thông suốt và thuận lợi. Phải mất một thời gian dài thì cơ chế này mới hoạt động nhuận nhuyển. Các dịch vụ do CFE cung cấp đều miễn phí vì được Nhà nước trợ cấp kinh phí toàn bộ. Cho đến nay, những trung tâm này có mức độ tin học hóa rất cao nên hoạt động rất nhanh chóng và hiệu quả.

## **Ông Nguyễn Đình Tài**

Xin cảm ơn ông Albert FRANCESKINJ đã cung cấp nhiều thông tin mới về hệ thống đăng ký kinh doanh tại Pháp. Liên quan đến hệ thống ở Việt Nam, tôi có một vài ý đáp lại như sau:

Hiện nay, Bộ KH-ĐT Việt Nam đang chủ trì soạn thảo một nghị định hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp mới, liên quan đến phần thủ tục đăng ký kinh doanh và hệ thống cơ quan đăng ký kinh doanh. Có lẽ hệ thống này cũng sẽ phát triển trên cơ sở hệ thống hiện hành. Hệ thống hiện hành bao gồm một cơ quan đầu não ở trung ương là Cục Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (thuộc Bộ KH-ĐT) và các Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở KH-ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Ngoài ra, ở 3 miền còn có 3 Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặt tại Hà Nội, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh. Trong Cục Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng có một Trung tâm thông tin. Theo tôi được biết, Trung tâm thông tin này cũng có nhiệm vụ là nối mạng với 64 tỉnh, thành để gắn kết các doanh nghiệp trong cả nước, nhằm mục đích: (1) tránh doanh nghiệp đặt tên trùng lặp; (2) quản lý số lượng doanh nghiệp sinh ra và chết đi hàng ngày, từ đó tổng hợp, phân loại doanh nghiệp. Tuy nhiên, do ngân sách và nhân lực hạn chế, nên hiện nay, Trung tâm thông tin này mới chỉ thu thập được tình hình từ khoảng hơn một chục tỉnh, thành.

Về quy trình thủ tục đăng ký kinh doanh, qua phần giới thiệu của ông về hệ thống tại Pháp, tôi thấy quy trình tại Việt Nam không khác nhiều. Những điểm khác nhau chủ yếu về liều lượng. Ví dụ, thời hạn đăng ký kinh doanh ở Việt Nam dài hơn 24h. Phí đăng ký kinh doanh ở Việt Nam tương đối thấp (100000 đồng đối với doanh nghiệp tư nhân, 200000 đồng đối với loại hình công ty). Tuy nhiên, nếu như trước kia phí đăng ký kinh doanh chỉ tính trên đầu doanh nghiệp chứ không tính theo cả số lượng ngành nghề đăng ký, thì Luật Doanh nghiệp mới đã bổ sung thêm quy định thu thêm phí tùy theo số lượng ngành nghề doanh nghiệp đăng ký kinh doanh, mức thu cụ thể bao nhiêu thì sẽ có nghị định hướng dẫn.

Sau khi đăng ký kinh doanh xong, doanh nghiệp phải làm thủ tục mở mã số thuế, mã hải quan (nếu cần), mở tài khoản ngân hàng và xin cấp con dấu. Hiện nay, ở Việt Nam, khắc dấu là hoạt động độc quyền của ngành công an. Thủ tục xin cấp con dấu hiện nay cũng mất khá nhiều thời gian và chi phí. Trong khi đó, theo tôi được biết qua chuyến khảo sát tại Thái Lan, doanh nghiệp ở Thái Lan có thể tự đi khắc dấu, sau đó đăng ký con dấu đó với cơ quan có thẩm quyền. Nhiều nhà nghiên cứu cũng cho rằng dấu của doanh nghiệp cũng chính là chữ ký của ông chủ doanh nghiệp, vậy nên

có kiến nghị cho đăng ký luôn chữ ký của ông chủ doanh nghiệp. Vậy các chuyên gia có ý kiến như thế nào về vấn đề này?

Tiếp theo, pháp luật Việt Nam cũng quy định thủ tục công bố, đăng bố cáo trên báo chí trong mấy số liền. Khâu này không có gì khó khăn.

Nhìn chung, trong quy trình thủ tục đăng ký kinh doanh và gia nhập thị trường ở

Việt Nam, khâu đăng ký kinh doanh cũng tương đối đơn giản và không bị doanh nghiệp phàn nàn, chỉ các khâu sau khi đăng ký kinh doanh (mua hóa đơn thuế...) vẫn còn phức tạp và mất nhiều thời gian. Dù sao, Luật Doanh nghiệp mới cũng đã giải quyết được phần nào vấn đề.

Liên quan đến vấn đề hậu kiểm (theo dõi doanh nghiệp sau khi đăng ký kinh doanh), ông đã nêu một số ý rất quan trọng. Đây đúng là vấn đề mà Việt Nam còn đang vướng: cơ quan quản lý nhà nước hầu như không nắm được tình hình doanh nghiệp sau khi đăng ký kinh doanh. Theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp phải nộp báo cáo tài chính hằng năm cho ít nhất 3 cơ quan là cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thống kê. Nhưng trên thực tế, số doanh nghiệp tư nhân thực hiện đúng quy định này chỉ chiếm khoảng 1/5. Luật cũng quy định rằng nếu doanh nghiệp vi phạm thì có thể bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên, trước thực tế số đông không thi hành như vậy nên nhà đương cục cũng chưa có biện pháp xử lý. Từ đó dẫn đến tình trạng khai sinh doanh nghiệp thì dễ, còn khai tử doanh nghiệp thì nhà quản lý gần như không nắm được, đồng thời nổi lên vấn đề doanh nghiệp "ma" như quý vị đã biết. Nghị định sắp tới đây chắc chắn sẽ phải siết chặt hơn vấn đề hậu kiểm. Nhưng có điều đáng buồn là Luật Phá sản của Việt Nam rất khó đi vào cuộc sống, một phần do văn hóa của người Việt Nam không muốn đưa nhau ra tòa để xử lý. Bằng chứng là Luật Phá sản ban hành từ năm 1993 và mới được sửa đổi vào năm 2003; trong suốt 10 năm đó, trên cả nước chỉ có tổng cộng 50 vụ phá sản theo luật, tức là do tòa án giải quyết, còn lại là doanh nghiệp "tự" biến mất. Nếu ở Việt Nam cũng áp dụng được quy tắc "khai tử" cho doanh nghiệp như ở phương Tây thì quá tốt. Nhưng trong điều kiện thực tế hiện nay thì việc này rất khó. Và lại, chúng tôi còn đang phấn đấu đến năm 2010, cả nước sẽ có 0,5 triệu doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp như mong muốn của Thủ tướng Phan Văn Khải. Cho đến nay, Việt Nam đã có khoảng 230000 doanh nghiệp đã đăng ký, mà số lượng doanh nghiệp càng đông thì càng khó quản lý.

### **Ông Nguyễn Văn Bình**

Liên quan đến bản khoản của ông FRANCESKINJ về các trường hợp doanh nghiệp ở Việt Nam nếu làm ăn thua lỗ trong nhiều năm thì sẽ bị cơ quan quản lý cho chấm dứt hoạt động, tôi được biết rằng những trường hợp này chỉ liên quan đến các doanh nghiệp nhà nước mà thôi, còn đối với doanh nghiệp thuộc khối tư nhân thì xử lý theo thủ tục phá sản.

### **Ông Albert FRANCESKINJ**

Về vấn đề con dấu của doanh nghiệp: con dấu đúng là có ý nghĩa rất quan trọng ở Việt Nam. Đó là phương tiện để xác định và xác nhận một doanh nghiệp, là chữ ký của doanh nghiệp. Quan niệm về con dấu ở Việt Nam tương đối khác so với ở Pháp và nhiều nước phương Tây. Theo chúng tôi, con dấu của doanh nghiệp không phải là công cụ xác nhận một doanh nghiệp, mà thực chất cũng chỉ là chữ ký của một người. Ở đây đặt ra vấn đề trách nhiệm cá nhân của người ký tên vào giấy tờ hoặc văn bản cam kết nào đó. Việc có thêm con dấu của doanh nghiệp có lẽ sẽ tạo tâm lý yên tâm hơn, nhưng từ vài năm nay, nó không còn có ý nghĩa lớn ở Pháp.

Lúc trước tôi quên nói về vấn đề địa điểm, trụ sở của doanh nghiệp. Ở Pháp, doanh nghiệp được tương đối tự do trong việc xác định nơi đặt trụ sở của mình, thậm chí có thể đặt tại nơi ở của chủ doanh nghiệp. Có nghĩa là khi làm thủ tục đăng ký kinh doanh, không bắt buộc người thành lập doanh nghiệp phải có hợp đồng thuê địa điểm ký với người thứ ba. Họ có thể sử dụng chính nơi ở của mình để làm trụ sở doanh nghiệp, đến khi nào doanh nghiệp phát triển, cần mở rộng hơn nữa thì họ mới đi thuê địa điểm ngoài.

### **Ông Nguyễn Đình Tài**

Theo luật Việt Nam, doanh nghiệp phải đăng ký một trụ sở chính cố định, thường xuyên. Nhưng thực tiễn hiện nay nảy sinh một vấn đề, đó là trường hợp người kinh doanh trên mạng, "trụ sở" chỉ là một địa chỉ trên mạng, thì áp dụng luật như thế nào đối với họ?

### **Ông Albert FRANCESKINJ**

Ở trên tôi đã nói đến vấn đề trách nhiệm của doanh nghiệp. Suy cho đến cùng thì đó là trách nhiệm cá nhân của chủ doanh nghiệp. Mỗi thể nhân đều phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Bạn có thể thành lập một công ty trách nhiệm hữu hạn, nhưng "trách nhiệm hữu hạn" ở đây chỉ là hữu hạn đối với những rủi ro thương mại thông thường, chứ không cho phép cá nhân chủ doanh nghiệp trốn tránh trách nhiệm cá nhân.

nhân của mình trong trường hợp có hành vi trái pháp luật hoặc lừa đảo. Chính vì vậy, pháp luật Pháp mới cho phép chủ doanh nghiệp đăng ký trụ sở ngay tại nhà mình.

Xin nêu một ví dụ khác: rất nhiều doanh nghiệp đã đăng ký thành lập ở những nước hoặc vùng lãnh thổ được coi là "thiên đường thuế"; nhưng sau vụ tấn công khủng bố ngày 11/9, do sức ép từ Mỹ, những "thiên đường thuế" này cũng đã yêu cầu doanh nghiệp thành lập ở đó phải có nghĩa vụ khai báo tên các cổ đông thật sự của họ và nộp bản sao hộ chiếu có chứng thực của cổ đông, thư giới thiệu của ngân hàng và của một văn phòng kế toán. Có thể thấy rõ là điều kiện đăng ký thành lập ở đó đã trở nên khó khăn hơn. Như vậy, người mà cơ quan quản lý muốn tìm kiếm đằng sau mỗi doanh nghiệp chính là cá nhân chủ doanh nghiệp.

### **Ông Nguyễn Văn Bình**

Tôi nghĩ rằng sẽ còn lâu mới có thể chuyển từ văn hóa con dấu sang văn hóa chữ ký ở Việt Nam. Bởi trong văn hóa Việt Nam, nếu chữ ký của một cá nhân có kèm theo con dấu thì có thể đó là đại diện hợp pháp của một pháp nhân. Chẳng hạn như chữ ký của tôi khi có dấu của Nhà Pháp luật có tính chất khác so với khi chỉ có riêng chữ ký của tôi, vì một bên là đại diện cho Nhà Pháp luật, còn bên kia chỉ đại diện cho bản thân cá nhân tôi. Nhưng nếu thực hiện được cơ chế doanh nghiệp tự đi làm con dấu rồi đăng ký con dấu (thay vì phải làm thủ tục xin cấp con dấu như hiện nay) thì cũng là điều tốt lắm rồi.

### **Câu hỏi**

Những vướng mắc hiện nay trong công tác hậu kiểm ở Việt Nam phát sinh từ 2 vấn đề. *Thứ nhất*, cơ quan đăng ký kinh doanh gần như không thể kiểm soát được thông tin về nhân thân người đăng ký thành lập doanh nghiệp. Hiện nay không một cơ quan nhà nước nào chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về nhân thân người thành lập doanh nghiệp cho cơ quan đăng ký kinh doanh. Cơ quan đăng ký chỉ dựa trên giấy tờ do họ tự khai, mà thời hạn để xem xét hồ sơ và đăng ký chỉ có mấy ngày; cơ quan đăng ký dù muốn đi kiểm tra, xác minh cũng không đủ thời gian, nhân lực cũng như không có thẩm quyền. *Thứ hai*, cơ quan đăng ký kinh doanh cũng không nắm được thông tin về năng lực tài chính của doanh nghiệp sắp thành lập và cũng không có cơ quan nào chịu trách nhiệm trả lời cho cơ quan cấp phép về tính chính xác của những thông tin do người đăng ký thành lập doanh nghiệp khai báo. Chính vì vậy, chúng tôi rất quan tâm đến một cơ quan giống như trung tâm thông tin ở Pháp. Nước Pháp có gặp phải những vấn đề nêu trên không? Chuyên gia Pháp có lời khuyên nào cho chúng tôi để giải quyết những vướng mắc đối với khâu hậu kiểm này?

Ngoài ra, trong công tác hậu kiểm, mặc dù luật Việt Nam cũng quy định doanh nghiệp phải nộp báo cáo tài chính hằng năm, nhưng các doanh nghiệp kêu rằng biểu mẫu báo cáo tài chính quá phức tạp, khó lập. Vậy mong chuyên gia Pháp cung cấp cho chúng tôi biểu mẫu tài chính áp dụng ở Pháp để chúng tôi tham khảo.

### **Ông Albert FRANCESKINJ**

Kiểm tra thông tin về nhân thân của người đăng ký thành lập doanh nghiệp đúng là một việc khó. Nhưng tôi nghĩ giải pháp sau đây có lẽ sẽ thiết thực, đó là yêu cầu doanh nghiệp đi đăng ký thành lập phải nộp giấy chứng nhận của ngân hàng về việc họ đã có một khoản tiền vốn đang giữ trong tài khoản phong tỏa tại ngân hàng. Biện pháp này đã từng được áp dụng tại Việt Nam trong khoảng những năm 1992 -1994, hiện nay đã bị bãi bỏ. Thực ra, ngân hàng thường là những người có đầu óc thực tế và thực dụng, họ sẽ không bao giờ mở tài khoản cho người nào không có giấy tờ chứng minh căn cước, họ cũng sẽ không bao giờ cấp giấy chứng nhận về tài khoản đã phong tỏa nếu như khoản tiền đó không thực sự được phong tỏa tại ngân hàng. Và lại, ngân hàng sẽ chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Nếu ngân hàng cấp giấy chứng nhận giả tạo thì tức là họ vi phạm pháp luật và sẽ bị xử lý. Vấn đề là ở chỗ do tính cách thân thiện của người Việt Nam nên ở Việt Nam rất dễ tạo được một mối quan hệ cá nhân thân thiết, cho nên cũng khó tránh khỏi trường hợp nhân viên ngân hàng hoặc chủ ngân hàng vì quan hệ thân tình mà cấp giấy chứng nhận giả tạo. Như vậy, không thể có một giải pháp hoàn hảo, mà phải cần có thời gian để hệ thống dần dần đi vào quy củ.

Liên quan đến Trung tâm hỗ trợ thủ tục doanh nghiệp cũng như công tác hậu kiểm tại Pháp, tôi sẽ tập hợp và chuyển cho các bạn một số tài liệu, đặc biệt là các biểu mẫu báo cáo tài chính. Các báo cáo tài chính mà doanh nghiệp ở Pháp phải nộp cho phòng lục sự của tòa án thương mại cũng giúp cung cấp những thông tin đúng về doanh nghiệp. Hiện nay, khi muốn hợp tác làm ăn với một doanh nghiệp Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài không biết làm thế nào để có được thông tin đúng và chính xác về hoạt động của doanh nghiệp đó, vì doanh nghiệp Việt Nam không nộp báo cáo đã được kiểm toán, cũng không có khai báo chính thức... Do vậy, nhà đầu tư nước ngoài không thể dựa vào quá khứ mà chỉ có thể dựa vào tương lai mà quyết định. Tình trạng này sẽ gây khó khăn đến sự phát triển của nền kinh tế.

Thực ra các quy định về nghĩa vụ nộp báo cáo tài chính với những thông tin chính xác cho cơ quan đăng ký kinh doanh, quy định về thủ tục giải quyết phá sản doanh nghiệp... ở Việt Nam đều đã có, trên thực tế cũng đã có người thực hiện nghiêm túc, điều quan trọng là phải làm sao để duy trì điều đó và biến nó thành thói quen chung.

**Ông Eric LE DREAU**

Có một sự khác biệt giữa thủ tục đăng ký kinh doanh ở Pháp và ở Việt Nam, nhất là khi ra đời Luật đầu tư mới của Việt Nam. Đó là ở Pháp, doanh nghiệp khi đăng ký thành lập không cần phải chứng minh có dự án đầu tư. Hơn nữa, luật của Pháp cho phép thành lập doanh nghiệp với mức vốn tối thiểu từ 01 orô. Như vậy, gần như không có sự kiểm tra về mặt hành chính đối với năng lực tài chính của người thành lập doanh nghiệp. Đăng ký kinh doanh là hoạt động chịu sự điều chỉnh của pháp luật kinh doanh thuần túy. Nếu có kiểm tra thì chỉ giới hạn ở tính xác thực của những thông tin trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, chứ không kiểm tra một cách toàn diện như kiểm tra dự án đầu tư hay năng lực thực hiện dự án của chủ doanh nghiệp, vì điều đó sẽ do thị trường quyết định.

**Ông Albert FRANCESKINJ**

Tôi xin nói thêm một chút liên quan đến Luật Pháp sản. Tôi nghĩ rằng điều quan trọng ở đây là các bạn cần vượt qua vấn đề văn hóa Việt Nam, để thấy rằng pháp sản không phải là điều đáng xấu hổ. Bởi vì chẳng hạn như ở Pháp, cách đây vài chục năm người ta cũng nghĩ như thế, nhưng hiện nay, tuyên bố phá sản doanh nghiệp không còn là một điều gây hổ thẹn cho cả gia đình nữa, mà được coi là biện pháp để lành mạnh hóa tình hình doanh nghiệp. Một doanh nghiệp khi gặp khó khăn về tài chính thì có thể đề nghị với các cơ quan nhà nước xem xét áp dụng một kế hoạch phục hồi doanh nghiệp. Đây là một khả năng nên dành cho các doanh nghiệp và Nhà nước phải giải thích cho họ hiểu rằng họ có thể sử dụng cơ chế này để giảm nợ và có thời gian phục hồi kinh doanh. Tất nhiên sẽ có những kẻ lợi dụng, nhưng đối với phần lớn các doanh nghiệp, cơ chế đó mở cho họ một cửa để ra đi trong danh dự, thay vì tự đứng biến mất hoặc tiếp tục khai báo gian dối...

**Ông Nguyễn Văn Bình**

Do thời gian có hạn nên tọa đàm của chúng ta phải dừng tại đây. Một lần nữa xin cảm ơn ông Tham tán thương mại Pháp tại Việt Nam, 2 chuyên gia là luật sư Pháp, ông Tài, ông Thắng và tất cả quý vị đại biểu đã đến tham dự buổi trao đổi tuy ngắn nhưng đã mang lại nhiều thông tin bổ ích này.

**SOURCE:** Tọa đàm “*Dự thảo Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư*”  
Nhà Pháp luật Việt – Pháp. Hà Nội, ngày 10/4/2006.

*Bản dịch của Nhà Pháp luật Việt - Pháp*